

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Tư.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Lâm và ông Trần Đăng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Chính - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HS ngày 05/5/2021 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Lê Văn L**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10 tháng 01 năm 1995; Quê quán: phường K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh ; Trú quán và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố X, phường K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Quân chủng; Con ông: Lê Xuân L, sinh năm 1953, con bà: Lê Thị V, sinh năm 1968; Anh, chị, em ruột có 05 người, bị cáo là con thứ ba; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không

Quá trình nhân thân: Năm 2017 bị Công an phường K, thị xã Kỳ Anh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, bằng hình thức phạt tiền (1.500.000 đồng); Lê Văn L đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính và đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 06/CQĐT ngày 21 tháng 4 năm 2021 của Công an thị xã Kỳ Anh trong một vụ án khác từ ngày 21/4/2021 cho đến nay. (Có mặt)

Bị hại:

- Ông Nguyễn Hữu Kh, sinh ngày 15/8/1976; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Kinh doanh dịch vụ cầm đồ (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.:

- Bà Lê Thị V; sinh năm 1968; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tổ dân phố X, phường K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

Người làm chứng:

- Anh Nhự Tiên C; sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 07/02/2021, Lê Văn L lấy xe mô tô BKS: 38K1 – 550.XX của mẹ là Lê Thị V để đi mua sắm hàng tết, trên đường đi Lê Văn L nảy sinh ý định đi cầm đồ chiếc xe mô tô để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Lê Văn L đi xe mô tô đến tiệm cầm đồ “Khánh Hiếu” cầm cố chiếc xe mô tô BKS: 38K1 - 550.xx cho anh Nguyễn Hữu Kh, chủ tiệm cầm đồ “Khánh Hiếu” lấy 8.000.000 đồng. Khi cầm cố xe, Lê Văn L đưa giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 38K1 - 550.xx mang tên Lê Thị V và giấy chứng minh nhân dân của mình cho Nguyễn Hữu Kh, cả anh Kh và Lê Văn L viết giấy cầm cố xe mô tô và hẹn đến ngày 07/3/2021 Lê Văn L sẽ trả lại tiền cầm cố xe cho Nguyễn Hữu Kh để nhận lại xe. Sau khi nhận được tiền cầm cố xe, Lê Văn L sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đến 17 giờ 27 phút cùng ngày, Lê Văn L quay lại thì thấy xe mô tô mà mình đã cầm cố để trước cửa tiệm cầm đồ “Khánh Hiếu”(xe chỉ khóa điện, không khóa cổ). Sau khi quan sát thấy vắng người, Lê Văn L đi vào đẩy chiếc xe mô tô BKS: 38K1 - 550.xx ra ngoài đường, rồi đưa đến cửa hàng sửa chữa xe máy ở gần đó nhờ anh Nhự Tiên C đầu tắt khóa điện, rồi nổ máy đi về nhà cất dấu.

Tài sản mà Lê Văn L lấy trộm là của anh Nguyễn Hữu Kh, sinh năm 1976, ở tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, là chiếc xe mô tô BKS: 38K1 - 550.xx mà anh Nguyễn Hữu Kh nhận cầm cố trước đó

Kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự UBND thị xã Kỳ Anh thì xe mô tô BKS: 38K1 - 550.xx mà Lê Văn L trộm cắp của anh Nguyễn Hữu Kh trị giá 17.370.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra Công an thị xã Kỳ Anh thu giữ các vật chứng bao gồm: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại xe Wave, màu đỏ đen bạc, BKS: 38K1 - 550.10; 01 giấy biên nhận cầm cố xe mô tô BKS: 38K1 - 550.xx giữa anh Nguyễn Hữu Kh và Lê Văn L do Lê Văn L giao nộp; 01 giấy CMND số 184181951 mang tên Lê Văn L; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 38K1 - 550.xxsố 042609 mang tên Lê Thị V. 01 giấy biên nhận cầm cố xe mô tô BKS: 38K1 - 550.xxgiữa anh Nguyễn Hữu Kh và Lê Văn L do Lê Văn L giao nộp; 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại xe Wave, màu đỏ đen bạc, BKS: 38K1 - 550.10, 01 giấy CMND số 184181951 mang tên Lê Văn L; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 38K1 - 550.xxsố 042609 mang tên Lê Thị V đã trả lại cho chủ sở hữu, còn 02 giấy biên nhận cầm cố xe mô tô BKS: 38K1 - 550.xx chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi anh Nguyễn Hữu Kh nhận lại xe mô tô, Lê Văn L đã đưa 8.000.000đồng tiền nhận cầm cố xe đưa đến cho anh Nguyễn Hữu Kh để chuộc lại xe mô tô BKS: 38K1 - 550.xxđã cầm cố trước đó, nay anh Nguyễn Hữu Kh không yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự.

Cáo trạng số 27/CT –VKSTXKA ngày 05/4/2021, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh đã truy tố bị cáo Lê Văn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về mặt dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm 1, khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Lê Văn L mức án tù 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án; Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch lưu giữ tại hồ sơ vụ án 02 giấy biên nhận cầm cố xe mô tô BKS: 38K1 - 550.10; Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 3, khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử buộc bị cáo Lê Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có tranh luận gì với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử xem xét cho giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sửa chữa lỗi lầm sớm trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Kỳ Anh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, với nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố và các chứng cứ khác có tại hồ sơ, như vậy đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ phút ngày 07/02/2021, Lê Văn L đi xe mô tô BKS: 38K1 – 550.XX (xe của mẹ là Lê Thị V, Lê Văn L lấy đi để đi mua sắm hàng tết) đến tiệm cầm đồ “Khánh Hiếu” ở Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh cầm có lãi 8.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Đến 17 giờ 27 phút cùng ngày, sau khi tiêu hết tiền, Lê Văn L quay lại tiệm cầm đồ “Khánh Hiếu” lấy trộm chiếc xe mô tô BKS: 38K1 – 550.XX của anh Nguyễn Hữu Kh để trước sân của tiệm cầm đồ (xe nhận cầm cố của Lê Văn L trước đó) trị giá 17.370.000 đồng, rồi đưa về nhà cất dấu.

Trong vụ án này, Nguyễn Hữu Kh đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS: 38K1 – 550.XX từ Lê Văn L, không phải chủ sở hữu và không có giấy ủy quyền, Công an thị xã Kỳ Anh đã xử phạt vi phạm hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Hành vi lợi dụng sơ hở lén lút, đột nhập chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng trị giá tài sản là 17.370.000 đồng của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.....thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng*

đến 03 năm”. Do đó việc truy tố, xét xử bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản, lén lút đột nhập chiếm đoạt tài sản mà trước đó bị cáo đã cầm cố cho người khác, hành vi đó không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, ngoài ra bố bị cáo tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huy chương kháng chiến, gia đình bị cáo hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên cần xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7]. Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Xét thấy bị cáo Lê Văn L tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhưng có nhân thân không tốt, đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, trong thời gian tại ngoại chờ xét xử bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản hiện đang bị khởi tố và bị bắt tạm giam trong một vụ án khác. Nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo sớm trở thành người công dân có ích.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo Lê Văn L từ trước đến nay không có việc làm, không có thu nhập, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9].Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10].Về xử lý vật chứng: Xét các vật chứng: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại xe Wave, màu đỏ đen bạc, BKS: 38K1 - 550.10; 01 giấy CMND số 184181951 mang tên Lê Văn L; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 38K1 - 550.xx số 042609 mang tên Lê Thị V, quá trình điều tra cơ quan Công an đã trả lại cho chủ sở hữu đảm bảo đúng trình tự quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét; Đối với 02 giấy biên nhận cầm cố xe mô tô BKS: 38K1 - 550.xx giữa Nguyễn Hữu Kh và Lê Văn L cần tịch lưu giữ hồ sơ vụ án.

[12].Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo Lê Văn L phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 299, Điều 326, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 3, khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt Lê Văn L 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án.

3.Về xử lý vật chứng:Tịch lưu giữ hồ sơ vụ án 02 giấy biên nhận cầm cố xe mô tô BKS: 38K1 - 550.xx giữa Nguyễn Hữu Kh và Lê Văn L.

4.Về án phí: Bị cáo Lê Văn L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Công an thị xã Kỳ Anh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh HT;
- Phòng PC81 Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS; VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Văn Tư

